**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐngày 16/4/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 39/2025/QĐST-HNGĐngày 15/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980, địa chỉ: Số A, đường D, tổ F, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Dương Thanh L, sinh năm 1972, địa chỉ: Số A, đường D, tổ F, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Sau một thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị M và ông Dương Thanh L quyết định đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 Quyển số 01/2013 ngày: 11/01/2013.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng cũng yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình khi đó cũng đầm ấm và hạnh phúc. Tuy nhiên những năm gần đây thì chúng tôi có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Một thời gian dài bà M đã cố gắng chịu đựng, nhẫn nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình vì con cái nhưng ông L không hề thay đổi. Bà M cảm thấy ngột ngạt, mệt mỏi, khó chịu khi phải sống như vậy, giờ đây bà M không còn tình cảm với chồng, cuộc sống chung chỉ là sự chịu đựng. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị M yêu cầu Toà án giải quyết các yêu cầu như sau đối với ông Dương Thanh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Dương Thanh L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Dương Thanh L có 01 con chung là cháu Dương Ngọc T, ngày sinh 23/6/2013. Sau khi ly hôn, ông L sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Bị đơn là ông Dương Thanh L vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Ngoài những lời trình bày theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu do nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà M và ông L chung sống như vợ chồng và có tiến hành đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm vợ chồng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp, hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông L không có thiện chí trong việc hòa giải hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, yêu cầu về việc xin ly hôn của bà M đối với ông L là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, bà Nguyễn Thị M và ông Dương Thanh L có 01 con chung là cháu Dương Ngọc T, ngày sinh 23/6/2013. Sau khi ly hôn, bà M thống nhất việc giao cho ông Dương Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay con chung do ông L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T có nguyện vọng được chung sống cùng cha. Vì vậy, việc giao con chung cho ông L nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, do các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị M là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là ông Dương Thanh L có địa chỉ cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[2]. Nguyên đơn Nguyễn Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Dương Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên họp, hòa giải và xét xử vụ án. Tuy nhiên, ông L vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Dương Thanh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 Quyển số 01/2013 ngày 11/01/2013 của UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không thể hòa giải được với nhau. Hiện nay, bà M xác định bản thân không còn tình cảm với chồng là ông L. Bản thân ông L đã được triệu tập nhiều lần đến tham gia hoà giải, phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2025 tại khu phố H, phường H đã xác định: Giữa bà M và ông L có xảy ra mâu thuẫn. Do đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông L là có thật và đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà M yêu cầu ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Dương Thanh L có 01 con chung là cháu Dương Ngọc T, ngày sinh 23/6/2013. Sau khi ly hôn, bà M thống nhất việc giao cho ông Dương Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay con chung do ông L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T có nguyện vọng được chung sống cùng cha. Vì vậy, việc giao con

chung cho ông L nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con bà M và ông L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị M đối với bị đơn Dương Thanh L về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Dương Thanh L.

- Về con chung: Giao con chung tên Dương Ngọc T, ngày sinh 23/6/2013 cho ông Dương Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị M và ông Dương Thanh L không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị M và ông Dương Thanh L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung thì người đang trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0009202 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Thiện**